

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com

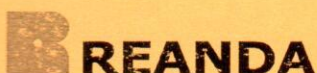


Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11
6. Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	12 - 28



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre và 01 Công ty con.

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre sau đây gọi tắt là “Công ty”, tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 (số cũ 5504000011) đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 03 năm 2010. Theo quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 và quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa. Ngày 29 tháng 01 năm 2015 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là công ty cổ phần và thay đổi lần 4 ngày 25 tháng 05 năm 2016.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp bổ sung Giấy CNĐKKD lần 4 ngày 25/05/2016, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Ngọc Triệu. Ngày 12/06/2017 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là BTU.

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng).

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
Điện thoại : +84 (275) 3826 358
Fax : +84 (275) 3817 770
Mã số thuế : 13 0 0 1 1 3 0 9 1

Thông tin về Công ty con

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
01	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	Số 26 đường Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	100%	100%	100%

3. Ngành nghề hoạt động

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;

- Xây dựng nhà dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch	23/1/2015	-
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Thành viên	23/1/2015	-
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	23/1/2015	03/6/2017
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	23/1/2015	-
Ông Ngô Trung Kiên	Thành viên	26/6/2015	-
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	03/6/2017	-



4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Văn Đâu	Trưởng ban	27/04/2016	-
Ông Phạm An Huy	Thành viên	27/04/2016	-
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên	27/04/2016	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc	01/07/2015	-
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Phó Tổng giám đốc	01/02/2015	-
Ông Lê Văn Vũ	Phó Tổng giám đốc	15/10/2016	-
Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	15/10/2016	-

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Ngọc Triệu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Theo Giấy ủy quyền số 16/GUQ-CTĐT ngày 01 tháng 06 năm 2016, Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị để trực tiếp điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty (theo điều lệ Công ty và nội dung quy định cụ thể tại Điều 5, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty); trừ nội dung công việc đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 28.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp

nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, kiểm toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN NGỌC TRIỆU

Chủ tịch

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2018.



Số: 2095/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre và Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, từ trang 08 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2141-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		47.157.472.881	42.767.556.143
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	14.005.902.427	9.620.207.987
111	1. Tiền		2.141.769.043	1.334.536.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.864.133.384	8.285.671.699
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		511.096.263	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		511.096.263	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.913.181.257	26.554.419.789
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	28.869.920.921	27.638.970.789
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		73.373.300	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	551.806.616	497.368.580
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.4	(1.581.919.580)	(1.581.919.580)
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	4.169.068.132	6.291.523.161
141	1. Hàng tồn kho		4.169.068.132	6.291.523.161
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		558.224.802	301.405.206
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	133.695.556	301.187.436
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	424.529.246	217.770
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		10.322.838.314	10.968.401.903
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		9.071.394.434	7.860.353.932
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	9.071.394.434	7.860.353.932
222	- Nguyên giá		22.681.009.829	19.074.518.640
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.609.615.395)	(11.214.164.708)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	160.827.965
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	160.827.965
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.251.443.880	2.947.220.006
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	1.251.443.880	2.947.220.006
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		57.480.311.195	53.735.958.046

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		14.045.892.090	11.910.033.325
310	I. Nợ ngắn hạn		12.231.346.635	11.910.033.325
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.8	3.914.825.922	2.495.234.843
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.9	649.200.000	2.191.440.909
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	1.100.696.704	2.124.399.156
314	4. Phải trả người lao động	V.11	3.752.497.227	3.125.332.113
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	833.833.681	636.653.412
319	6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		294.010.487	36.335.753
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.13	1.686.282.614	1.300.637.139
330	II. Nợ dài hạn		1.814.545.455	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14	1.814.545.455	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		43.434.419.105	41.825.924.721
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	43.148.094.787	41.505.241.490
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.833.660.938	1.856.319.732
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.314.433.849	3.648.921.758
421a	- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước		48.921.758	41.920.179
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		4.265.512.091	3.607.001.579
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		286.324.318	320.683.231
431	1. Nguồn kinh phí	V.16	286.324.318	320.683.231
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		57.480.311.195	53.735.958.046

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám Đốc

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGÔ TRUNG KIÊN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

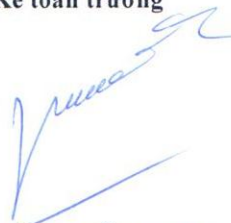
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	68.758.040.121	55.697.419.224
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.758.040.121	55.697.419.224
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	51.735.960.912	41.595.506.555
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.022.079.209	14.101.912.669
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	425.929.797	362.786.816
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	9.240.347.343	7.445.041.623
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.207.661.663	7.019.657.862
31	11. Thu nhập khác		65.932.274	3.743.750
32	12. Chi phí khác		36.374.993	-
40	13. Lợi nhuận khác		29.557.281	3.743.750
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.237.218.944	7.023.401.612
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	1.721.610.901	1.452.281.961
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.515.608.043	5.571.119.651
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.5	1.456	1.267
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.6	1.456	1.267

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGÔ TRUNG KIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.237.218.944	7.023.401.612
	2. Điều chỉnh các khoản		3.443.393.241	1.994.003.708
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.856.660.449	2.244.508.900
03	- Các khoản dự phòng		-	112.281.624
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		586.732.792	(362.786.816)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.680.612.185	9.017.405.320
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.783.072.944)	(6.324.048.855)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.122.455.029	(5.711.472.720)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		579.912.042	1.687.620.956
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.863.268.006	2.329.892.675
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.401.734.021)	(2.432.672.411)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(887.109.271)	(1.263.773.924)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.174.331.026	(2.697.048.959)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.883.559.232)	(1.777.796.410)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.740.395.506)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.229.299.243	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		389.953.454	362.786.816
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.004.702.041)	(1.415.009.594)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.814.545.455	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.598.480.000)	(2.926.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.783.934.545)	(2.926.800.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		4.385.694.440	(7.038.858.553)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		9.620.207.987	16.659.066.540
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	14.005.902.427	9.620.207.987

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

Tổng Giám Đốc

NGÔ TRUNG KIÊN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre và 01 Công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thu gom, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải;
- Chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng các công trình công ích và dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính Hợp nhất

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm.

6. Các Công ty con được Hợp nhất

Tổng số Công ty con : 01 Công ty.

Số lượng các Công ty con được Hợp nhất: 01 Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	26 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Dịch vụ chăm sóc cây xanh công viên, hệ thống chiếu sáng công cộng	100,00%	100,00%	100,00%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 175 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 174 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính Hợp nhất**

Các Báo cáo tài chính Hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các Báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty con và Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các Báo cáo tài chính Hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng (có thời hạn gốc không quá ba tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho của hoạt động xây lắp và các loại hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định lại theo biên bản xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm thay đổi loại hình doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	06

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh, duy tu cầu đường, vệ sinh đô thị

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng: công trình xây dựng cơ bản, công trình chiếu sáng, công trình cây xanh

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của tài sản phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công ích, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính.

13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	46.954.403	118.721.679
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.094.814.640	1.215.814.609
Các khoản tương đương tiền	11.864.133.384	8.285.671.699
Cộng	<u>14.005.902.427</u>	<u>9.620.207.987</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	28.869.920.921	27.638.970.789
- Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Bến Tre	8.403.236.367	11.217.264.609
- BQL công trình (Nguồn do Ngân hàng TMCP Công thương VN trải trợ năm 2017)	3.144.472.000	-
- Công ty TNHH Tư Vấn và Xây Dựng Chí Cường	1.877.881.000	-
- BQL.DA Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre (theo ủy quyền của Công ty MISECO)	1.684.900.000	1.773.176.000
- Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng huyện Chợ Lách	1.625.295.000	1.985.295.000
- Các đối tượng khác	12.134.136.554	12.663.235.180
Cộng	28.869.920.921	27.638.970.789

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	551.806.616	-	497.368.580	-
- Tạm ứng	475.664.268	-	245.810.740	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	188.000.000	-
- Các đối tượng khác	76.142.348	-	63.557.840	-
Cộng	551.806.616	-	497.368.580	-

4. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.581.919.580	-		1.581.919.580	-
- Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng huyện Chợ Lách	Trên 3 năm	1.207.647.500	-	Trên 3 năm	1.207.647.500	-
- Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre	Trên 3 năm	374.272.080	-	Trên 3 năm	374.272.080	-
Cộng		1.581.919.580	-		1.581.919.580	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	93.394.978	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	182.558.170	-	201.389.086	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	3.759.126.707	-	6.043.245.798	-
Hàng hóa	133.988.277	-	46.888.277	-
Cộng	4.169.068.132	-	6.291.523.161	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuê bao duy tu cầu đường	1.465.415.461	152.005.985
- Chiếu sáng công cộng	962.905.496	-
- Xây dựng tuyến cống bê tông cấp từ Tòa nhà Viettel Bến Tre đến RSM BTE, TP. Bến Tre	428.047.318	-
- Công viên cây xanh	630.182.948	-
- Sửa chữa đường liên xã Phú Mỹ - Phú Ngãi, H.Mỏ Cày Bắc	178.894.193	-
- Xây dựng và mở rộng mặt đường (rãnh bê tông cốt thép) hẻm tổ 12, KP.3, P.Phú Khương	93.681.291	-
- Các công trình khác	-	5.891.239.813
Cộng	<u>3.759.126.707</u>	<u>6.043.245.798</u>

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6.a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ quản lý, máy móc thiết bị	133.695.556	301.187.436
Cộng	<u>133.695.556</u>	<u>301.187.436</u>

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	301.187.436	293.265.609
Tăng trong năm	38.957.505	382.229.800
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(206.449.385)	(374.307.973)
Số dư cuối năm	<u>133.695.556</u>	<u>301.187.436</u>

6.b Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị lợi thế kinh doanh	188.442.840	2.449.757.076
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.063.001.040	497.462.930
Cộng	<u>1.251.443.880</u>	<u>2.947.220.006</u>

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	2.947.220.006	5.285.034.508
Tăng trong năm	4.653.538.869	57.827.008
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(6.349.314.995)	(2.395.641.510)
Số dư cuối năm	<u>1.251.443.880</u>	<u>2.947.220.006</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.659.141.338	2.243.785.722	11.095.479.585	76.111.995	19.074.518.640
Tăng trong năm	321.683.103	-	3.284.808.086	-	3.606.491.189
- Kết chuyển tăng từ XDCB	321.683.103	-	3.284.808.086	-	3.606.491.189
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.980.824.441	2.243.785.722	14.380.287.671	76.111.995	22.681.009.829
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	162.553.000	3.101.621.710	76.111.995	3.464.600.428
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.194.473.773	1.175.842.523	7.767.736.417	76.111.995	11.214.164.708
Khấu hao trong năm	456.432.047	262.456.041	1.676.562.599	-	2.395.450.687
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	2.650.905.820	1.438.298.564	9.444.299.016	76.111.995	13.609.615.395
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.464.667.565	1.067.943.199	3.327.743.168	-	7.860.353.932
Số cuối năm	3.329.918.621	805.487.158	4.935.988.655	-	9.071.394.434

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	3.914.825.922	3.914.825.922	2.495.234.843	2.495.234.843
- Nguyễn Trung Hiếu	694.025.000	694.025.000	-	-
- DNTN Nhân Tài	472.527.827	472.527.827	222.697.722	222.697.722
- Công ty TNHH MTV TMDV gia công Thành Công	471.900.000	471.900.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	2.276.373.095	2.276.373.095	2.272.537.121	2.272.537.121
Cộng	3.914.825.922	3.914.825.922	2.495.234.843	2.495.234.843

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	649.200.000	2.191.440.909
- Công ty TNHH Viễn thông Long Hải	509.200.000	-
- Công ty TNHH Hoa Viên	140.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	2.191.440.909
Cộng	649.200.000	2.191.440.909

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	485.533.680	-	2.395.846.504	(1.899.964.713)	981.415.471	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	323.745.794	-	1.721.610.901	(2.401.734.021)	68.151.920	424.529.246
- Thuế thu nhập cá nhân	22.460.740	-	111.016.313	(82.347.740)	51.129.313	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	217.770	206.189.419	(205.971.649)	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	1.292.658.942	-	-	(1.292.658.942)	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	17.092.489	(17.092.489)	-	-
Cộng	2.124.399.156	217.770	4.451.755.626	(5.899.769.554)	1.100.696.704	424.529.246

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.237.218.944	7.023.401.612
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	243.195.521	238.008.193
+ Chi phí không được trừ	243.195.521	238.008.193
- Các khoản điều chỉnh giảm	14.421.545	-
Thu nhập chịu thuế	8.465.992.920	7.261.409.805
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.693.198.584	1.452.281.961
Thuế TNDN bị truy thu các năm trước	28.412.317	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	1.721.610.901	1.452.281.961

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

11. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2017 của người quản lý Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre được Ủy ban nhân dân Tỉnh Bến Tre phê duyệt theo công văn số 2243/UBND-KT ngày 25 tháng 5 năm 2017.

Quỹ lương của Công ty được thực hiện trích theo Quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 24/04/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

Số dư lương cuối năm là Quỹ lương năm 2017 còn phải chi.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí trích trước cho các hợp đồng xây dựng nghiệm thu theo từng giai đoạn.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.300.637.139	1.272.754.746	4.840.000	(891.949.271)	1.686.282.614
Cộng	1.300.637.139	1.272.754.746	4.840.000	(891.949.271)	1.686.282.614

14. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vốn Ngân sách nhà nước cấp cho Công ty theo Quyết định số 72/QĐ-STC ngày 05/10/2017 về việc mua sắm TSCĐ chuyên dụng phục vụ công ích đô thị. Khoản vốn Ngân sách cấp này sẽ được Công ty trả dần trong 8 năm.

15. Vốn chủ sở hữu**15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	900.945.819	2.968.720.179	39.869.665.998
2. Tăng trong năm trước	-	955.373.913	5.571.119.651	6.526.493.564
3. Giảm trong năm trước	-	-	4.890.918.072	4.890.918.072
4. Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	1.856.319.732	3.648.921.758	41.505.241.490
5. Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	1.856.319.732	3.648.921.758	41.505.241.490
6. Tăng trong năm	-	977.341.206	6.515.608.043	7.492.949.249
- Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	-	-	6.515.608.043	6.515.608.043
- Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	977.341.206	-	977.341.206
7. Giảm trong năm	-	-	(5.850.095.952)	(5.850.095.952)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.850.095.952)	(5.850.095.952)
Số dư cuối năm	36.000.000.000	2.833.660.938	4.314.433.849	43.148.094.787

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (Đại diện vốn góp của Nhà nước)	21.600.000.000	60,00	26.897.000.000	74,71
- Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị môi trường Hiệp Hòa	5.297.000.000	14,71	-	-
- Các đối tượng khác	9.103.000.000	25,29	9.103.000.000	25,29
Cộng	36.000.000.000	100	36.000.000.000	100

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	36.000.000.000	36.000.000.000	-
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000	-

15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.600.000.000	2.926.800.000

15.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

15.5 Các Quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

15.6 Phân phối lợi nhuận

• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	977.341.206
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	1.046.091.206
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	3.600.000.000
• Quỹ thưởng Ban Điều hành	:	226.663.540
Cộng		5.850.095.952

16. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Là tài sản cố định (dây chuyền thiết bị phân loại rác) được hình thành từ đề án nghiên cứu khoa học công nghệ do nguồn ngân sách cấp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VNĐ)**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thi công công trình	20.661.776.743	13.152.979.108
+ Công trình xây dựng cơ bản	8.047.652.073	4.630.470.709
+ Công trình chiếu sáng	10.320.707.598	7.943.666.346
+ Công trình cây xanh	1.774.985.798	226.542.165
+ Công trình khác	518.431.274	352.299.888
- Doanh thu dịch vụ công ích	47.908.487.196	42.544.440.116
+ Chiếu sáng công cộng	4.028.861.939	3.633.351.800
+ Công viên cây xanh	15.387.887.260	12.552.440.699
+ Duy tu cầu đường	5.478.237.861	4.917.750.817
+ Vệ sinh đô thị	23.013.500.136	21.440.896.800
- Doanh thu khác	187.776.182	-
Cộng	<u>68.758.040.121</u>	<u>55.697.419.224</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Truc, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn thi công công trình	17.991.274.854	11.594.295.141
+ Công trình xây dựng cơ bản	7.429.722.335	4.185.597.067
+ Công trình chiếu sáng	8.702.576.185	6.969.532.052
+ Công trình cây xanh	1.502.768.820	117.737.292
+ Công trình khác	356.207.514	321.428.730
- Giá vốn của dịch vụ công ích	33.618.921.729	30.001.211.414
+ Chiếu sáng công cộng	2.454.851.833	2.427.219.604
+ Công viên cây xanh	10.965.870.632	9.139.511.637
+ Duy tu cầu đường	4.389.828.151	3.950.218.286
+ Vệ sinh đô thị	15.808.371.113	14.484.261.888
- Giá vốn các hoạt động khác	125.764.329	-
Cộng	<u>51.735.960.912</u>	<u>41.595.506.555</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi tiền gửi có kỳ hạn.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.463.170.128	3.214.133.874
Chi phí đồ dùng văn phòng	193.765.347	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.085.864	167.215.625
Thuế, phí và lệ phí	208.189.419	-
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	93.568.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.129.863	33.992.736
Các chi phí khác	4.110.006.722	3.936.131.368
Cộng	<u>9.240.347.343</u>	<u>7.445.041.623</u>

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.515.608.043	5.571.119.651
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.272.799.621)	(1.008.744.159)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.242.808.422	4.562.375.492
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>1.456</u>	<u>1.267</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(*) Được xác định bằng 15% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp và 1,5 tháng lương thực hiện của Ban Tổng Giám đốc. Đây là khoản tạm trích theo kế hoạch hoạt động 2017. Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2017.

6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.515.608.043	5.571.119.651
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.272.799.621)	(1.008.744.159)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.242.808.422	4.562.375.492
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.600.000	3.600.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>1.456</u>	<u>1.267</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.855.251.760	15.700.960.783
- Chi phí nhân công	25.835.443.484	17.584.623.124
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.395.450.687	2.031.481.391
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.058.952.667	317.047.463
- Chi phí khác	8.378.272.254	5.961.393.794
Cộng	<u>57.523.370.852</u>	<u>41.595.506.555</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT : VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập Báo cáo Hợp nhất này, Tập đoàn không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập Báo cáo Hợp nhất này, Tập đoàn không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	1.813.308.318	1.335.834.168
Thù lao	235.400.000	224.150.000
Cổ tức	315.100.000	256.176.300
Cộng	<u>2.363.808.318</u>	<u>1.816.160.468</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thi công công trình.
- Dịch vụ công ích.
- Dịch vụ khác.

<u>Năm nay</u>	<u>Thi công công trình</u>	<u>Dịch vụ công ích</u>	<u>Dịch vụ khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.661.776.743	47.908.487.196	187.776.182	68.758.040.121
Giá vốn hàng bán	17.991.274.854	33.618.921.729	125.764.329	51.735.960.912
Lợi nhuận gộp	2.670.501.889	14.289.565.467	62.011.853	17.022.079.209

<u>Năm trước</u>	<u>Thi công công trình</u>	<u>Dịch vụ công ích</u>	<u>Dịch vụ khác</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.152.979.108	42.544.440.116	-	55.697.419.224
Giá vốn hàng bán	11.594.295.141	30.001.211.414	-	41.595.506.555
Lợi nhuận gộp	1.558.683.967	12.543.228.702	-	14.101.912.669

Khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5 Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được lập trong Báo cáo Hợp nhất sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo Hợp nhất này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Bến Tre, ngày 20 tháng 03 năm 2018.

Người lập biểu


TRẦN THỊ HỒNG MAI

Kế toán trưởng


TRẦN THỊ VÂN NGHI

Tổng Giám đốc

**NGÔ TRUNG KIÊN**